

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-02-2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Xuân Thành

Ông Nguyễn Hồ Cảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.**

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị B, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: Xóm 10 (nay là xóm 7), xã Diễn Y, huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Phạm Văn B, sinh năm 1991;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 10 (nay là xóm 7), xã Diễn Y, huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ cư trú hiện nay: **3rd Mikwang Happy Apartment, Gongdan-dong, Gumi-si, Gyeongsangbuk-do, Hàn Quốc**; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:

Chị và anh Phạm Văn B kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diễn Y, huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An vào ngày 11 tháng 3 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống. Đến năm 2019, anh B đi làm ăn tại Hàn Quốc, do vợ chồng sống xa nhau nên quan điểm sống và tính cách của vợ chồng cũng khác nhau; hai bên không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến khác biệt về suy nghĩ và đời sống kinh tế. Mặc dù đã được gia đình khu Y bảo nhưng vợ chồng không còn tình cảm, tình nghĩa cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn B để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Lực V, sinh ngày 27/10/2013 và Phạm Quốc T, sinh ngày 14/4/2020. Hiện các con đang ở với chị và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh Phạm Văn B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị B đang ở Việt Nam nhưng do tình hình dịch Covid - 19 diễn biến phức tạp, hạn chế đi lại, tiếp xúc nên chị đã ủy quyền cho anh Chu Quang Minh, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Số 45 Đàm Văn Lễ, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

*Theo bản tự khai, đơn trình bày, đơn xin xác nhận, giấy ủy quyền, đơn đề nghị xét xử vắng mặt có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Đại Hàn Dân Quốc, bị đơn anh Phạm Văn B trình bày:*

Anh và chị Trần Thị B kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diễn Y, huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An vào ngày 11 tháng 3 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng sau một quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng không quá gay gắt. Năm 2019 anh đi làm ăn tại Hàn Quốc nên vợ chồng phải sống xa nhau; do tính cách và quan điểm chăm sóc con cái khác nhau dẫn đến khác nhau về suy nghĩ, lối sống nên xảy ra tình trạng cãi vã thường xuyên. Mặc dù được gia đình khu Y bảo nhưng vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị B làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Lực V, sinh ngày 27/10/2013 và Phạm Quốc T, sinh ngày 14/4/2020. Hiện anh đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, không thể trực tiếp nuôi dưỡng các con nên anh và chị B

thống nhất giao cho chị Trần Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Văn Bá đang cư trú và làm việc tại Hàn Quốc, do dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp nên anh không có điều kiện về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh ủy quyền cho chị Lê Thị Vành KhuY, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Khối 6, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nộp bản tự khai, đơn trình bày, đơn xin xác nhận, giấy ủy quyền, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị B có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn B đang cư trú tại nước Đại Hàn Dân Quốc; trước xuất cảnh, anh B có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Căn cứ vào khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì anh Phạm Văn B không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị B đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nhưng do dịch bệnh Covid - 19 hạn chế đi lại và cũng do điều kiện công việc nên chị đã ủy quyền cho anh Chu Quang Minh, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Số 45 Đàm Văn Lễ, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, tài liệu, bản tự khai, giấy ủy quyền cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Phạm Văn B

đang cư trú và làm việc ở nước Đại Hàn Dân Quốc đã ủy quyền cho chị Lê Thị Vành KhuY, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Khối 6, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nộp bản tự khai, đơn trình bày, đơn xin xác nhận, giấy ủy quyền (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Đại Hàn Dân Quốc) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Phạm Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diễn Y, huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An vào ngày 11 tháng 3 năm 2013, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Năm 2019, anh B đi làm việc tại nước Đại Hàn Dân Quốc nên vợ chồng phải sống xa nhau dẫn đến tính cách, quan điểm chăm sóc con cái cũng khác nhau. Từ đó, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau nên tình cảm dần mất đi. Mặc dù được gia đình khuY bảo nhưng vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn. Hiện tại, chị Trần Thị B và anh Phạm Văn B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị B làm đơn xin ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Trần Thị B và anh Phạm Văn B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thị B yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị B và anh Phạm Văn B có 02 con chung. Hiện con chung đang ở với chị B và được chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị B và anh B thỏa thuận: Giao cho chị Trần Thị B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con là Phạm Lực V, sinh ngày 27/10/2013 và Phạm Quốc T, sinh ngày 14/4/2020 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị B và anh Phạm Văn B không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

TuY xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Phạm Văn B được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Chị Trần Thị B và anh Phạm Văn B có 02 con chung;

Giao cho chị Trần Thị B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Lực V, sinh ngày 27/10/2013 và Phạm Quốc T, sinh ngày 14/4/2020 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị B và anh Phạm Văn B không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011544 ngày 08/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Trần Thị B đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị B có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Phạm Văn B có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn Y, Diễn C, NA;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Quỳnh**